



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvieta.com.vn | Website: www.ifcvieta.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 52

3-C.
TY
ƯU HÃ
N VÀ
CHÍNH
Ê
P. Y

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Ramoncito S. Fernandez	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2015)
Ông Rodrigo E. Franco	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Roberto V. Bontia	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2015)
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 26.08/2015/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) được lập ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 52. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-1

Lương Giang Thạch
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2013-072-1

TP. Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015


Mẫu số B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.270.324.930.335	474.637.246.734
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	66.656.327.910	44.211.919.920
1. Tiền	111		43.156.327.910	44.211.919.920
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		227.472.159.865	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	227.472.159.865	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		889.011.050.770	358.170.870.174
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.a	518.604.332.550	304.201.118.769
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		359.391.007.946	5.337.597.354
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	15.751.523.928	52.526.765.826
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.735.813.654)	(3.894.611.775)
IV. Hàng tồn kho	140	10	47.280.308.255	62.013.716.479
1. Hàng tồn kho	141		47.907.915.827	62.641.324.051
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(627.607.572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.905.083.535	10.240.740.161
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.194.048.025	239.561.061
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.931.103.770	7.221.671.927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	2.779.931.740	2.779.507.173
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.704.081.564.455	1.199.913.067.784
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.376.059.607.710	764.162.014.150
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7.b	639.963.899.122	764.162.014.150
4. Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	308.567.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	427.528.708.588	-
II. Tài sản cố định	220		1.376.549.108.364	60.918.527.578
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	56.091.873.235	53.720.123.021
- Nguyên giá	222		88.038.476.573	81.813.600.348
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.946.603.338)	(28.093.477.327)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.320.457.235.129	7.198.404.557
- Nguyên giá	228		1.522.106.339.631	8.131.674.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(201.649.104.502)	(933.269.893)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.294.182.681.282	129.021.273
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.294.182.681.282	129.021.273
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	445.906.527.867	211.546.226.410
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.b	230.473.893.931	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.c	2.902.900.000	2.902.900.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.c	(2.902.900.000)	(2.902.900.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.a	215.432.633.936	211.546.226.410
VI. Tài sản dài hạn khác	260		211.383.639.232	163.157.278.373
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	64.687.033.183	143.478.569
5. Lợi thế thương mại	269	17	146.696.606.049	163.013.799.804
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.974.406.494.790	1.674.550.314.518

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.465.292.585.969	1.116.794.930.555
I. Nợ ngắn hạn	310		1.363.895.242.107	162.285.952.218
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	55.952.045.908	28.396.007.425
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.951.223.241	10.415.743.678
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	6.825.541.386	1.941.252.846
4. Phải trả người lao động	314		1.169.991.704	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	42.309.582.862	29.403.023.515
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.201.729	250.747.717
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	239.569.850.368	11.973.404.076
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	996.678.500.000	70.940.839.208
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.192.304.909	8.964.933.753
II. Nợ dài hạn	330		3.101.397.343.862	954.508.978.337
7. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	1.048.686.229.004	779.531.468.549
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	1.997.424.964.262	174.906.899.750
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	55.286.150.596	70.610.038
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.509.113.908.821	557.755.383.963
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.509.113.908.821	557.755.383.963
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		728.547.650.000	225.169.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		728.547.650.000	225.169.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	(5.362.083.904)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.481.118.965	8.481.118.965
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		442.979.084.257	205.143.874.082
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		178.249.465.150	3.033.448.266
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		264.729.619.107	202.110.425.816
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		325.448.307.503	124.322.924.820
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.974.406.494.790	1.674.550.314.518


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 8 năm 2015


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a- DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	186.570.489.462	105.741.544.324
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	4.574.556.455	255.188.734
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		181.995.933.007	105.486.355.590
4. Giá vốn hàng bán	11	27	133.322.286.601	86.664.512.058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.673.646.406	18.821.843.532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	196.095.094.805	943.762.168
7. Chi phí tài chính	22	29	88.473.296.785	6.645.792.177
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		88.454.597.685	6.645.792.177
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	30	12.329.872.555	-
9. Chi phí bán hàng	25	31.a	7.414.465.859	1.903.984.426
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.b	31.140.100.122	2.414.575.192
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		130.070.751.000	8.801.253.905
12. Thu nhập khác	31	32	169.205.438.544	578.871.588
13. Chi phí khác	32		288.619.276	80.210.293
14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		168.916.819.268	498.661.295
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		298.987.570.268	9.299.915.200
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	11.278.323.447	698.363.536
17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	22	(70.610.038)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		287.779.856.859	8.601.551.664
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		264.745.416.928	8.601.551.664
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		23.034.439.931	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	4.284	580


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 8 năm 2015


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		195.274.763.889	115.633.746.890
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(111.835.076.086)	(88.975.753.861)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.148.321.477)	(7.177.792.522)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(73.005.556.285)	(1.544.026.207)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(44.385.720.419)	(2.973.818.603)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		21.723.905.736	34.300.336.087
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(11.959.921.562)	(44.861.076.966)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.335.926.204)	4.401.614.818
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(272.337.456.295)	(769.476.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.123.403.068	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(324.747.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.435.796.953	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(905.213.958.510)	(17.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.985.000.000	14.600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.854.231.269	26.566.921
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.420.899.983.515)	(3.742.909.079)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		512.547.052.000	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(44.360.000)	(5.362.083.904)
3. Tiền thu từ đi vay	33	22c	1.541.022.088.249	257.096.838.289
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	22c	(541.703.993.052)	(255.396.274.608)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34.140.903.412)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.477.679.883.785	(3.661.520.223)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		22.443.974.066	(3.002.814.484)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		44.211.919.920	6.759.914.370
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		433.924.482.241	284.136
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		66.656.327.910	3.757.384.022

Dương Thị Nhung

Người lập biểu

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Văn Thông

Kê toán trưởng

Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia), (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 728.547.650.000 VND, được chia thành 72.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe...

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ, Công ty đã nhận chuyển nhượng các công ty quản lý các dự án cầu đường như Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội và Công ty TNHH BOT Rạch Miễu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty ký kết thỏa thuận liên danh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng B.O.T. Theo đó, các bên liên danh thỏa thuận thành lập Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận để quản lý dự án này.

Trong kỳ, Công ty đã phát hành 50.337.810 cổ phần, tương đương 503.378.100.000 VND, tăng vốn điều lệ từ 225.169.550.000 VND lên 728.547.650.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang đầu tư vào bảy (7) công ty con và hai (2) công ty liên doanh, liên kết, bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác. Thông tin chi tiết về các công ty đang được đầu tư này như sau:

Công ty con đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP.Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	TP.Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	TP.Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	TP.Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	TP.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường

Công ty con đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	49,75%	49,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu
Công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	TP.Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200 và Thông tư 202. Một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được trình bày lại theo các Thông tư này (xem chi tiết tại Thuyết minh số 38), do đó số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con đồng nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là khoảng 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc có thời hạn thu hồi còn lại dưới 3 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay đầu tư cho dự án B.O.T trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính của dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu lãi vốn chủ các dự án B.O.T và B.T

Lãi vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận theo điều khoản bảo toàn vốn chủ sở hữu của hợp đồng B.O.T, được tính bằng 14%/năm trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án. Khi các dự án bắt đầu đi vào hoạt động thì khoản lãi này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu hàng năm của dự án theo hướng dẫn của công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án B.O.T trong giai đoạn hoạt động được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

AN
H
A
N
O
I

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	293.808.814	229.938.354
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.862.519.096	43.981.981.566
Các khoản tương đương tiền (i)	23.500.000.000	-
Cộng	66.656.327.910	44.211.919.920

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn thu hồi còn lại dưới 3 tháng kể từ ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	227.472.159.865	227.472.159.865	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	227.472.159.865	227.472.159.865		
Dài hạn	215.432.633.936	215.432.633.936	211.546.226.410	211.546.226.410
Các khoản đầu tư khác	215.432.633.936	215.432.633.936	211.546.226.410	211.546.226.410

Số dư các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện giá trị đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc %	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	63.568.623.284	12.329.872.555	-	-
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.575.398.092	-	-	-
Cộng	218.144.021.376	12.329.872.555	-	-
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		230.473.893.931		-

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 01/01/2015 và 30/06/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Đầu tư AQUA	2.902.900.000	(2.902.900.000)	-
Cộng	2.902.900.000	(2.902.900.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	455.645.402.322	251.418.309.508
Công ty CP Him Lam	13.917.143.479	16.181.362.569
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	6.589.372.261	-
Trịnh Văn Hà	6.300.000.023	6.300.000.023
Công ty TNHH DVTM-XD Đông Mê Kông	5.522.362.351	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 37)	1.387.186.290	850.996.290
<i>Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII</i>	850.996.290	850.996.290
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	324.990.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng</i>	211.200.000	-
Các khách hàng khác	29.242.865.824	29.450.450.379
Cộng	518.604.332.550	304.201.118.769

b) Phải thu của khách hàng dài hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	639.963.899.122	764.162.014.150
Cộng	639.963.899.122	764.162.014.150

(i) Số dư khoản phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị xây dựng chuyển giao, lãi bảo toàn vốn chủ và lãi trả chậm của Dự án Cầu Sài Gòn. Khoản phải thu được cam kết hoàn trả trong thời gian 5 năm chia đều thành 10 kỳ, kỳ đầu tiên bắt đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014, kỳ cuối cùng kết thúc ngày 12 tháng 12 năm 2018. Số dư khoản phải thu này được cam kết trả lãi chậm thanh toán (xem Thuyết minh 28). Khoản phải thu này được thu hồi theo lịch biểu sau:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trong vòng một năm	455.645.402.322	251.418.309.508
Trong năm thứ hai	251.418.309.508	251.418.309.508
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	388.545.589.614	512.743.704.642
Cộng	1.095.609.301.444	1.015.580.323.658
Trừ số sẽ thu được trong vòng 12 tháng	(455.645.402.322)	(251.418.309.508)
Số sẽ thu sau 12 tháng	639.963.899.122	764.162.014.150



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	7.389.543.057
<i>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	7.389.543.057
Phải thu người lao động	1.293.748.135	1.866.423.759
Ký cược, ký quỹ	9.000.000	9.000.000
Các khoản chi hộ	133.109.113	109.850.720
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</i>	-	1.046.388
<i>Chi phí nghỉ mát của nhân viên</i>	78.366.000	-
<i>Khách hàng mua căn hộ</i>	54.743.113	108.804.332
Các khoản phải thu khác	14.315.666.680	43.151.948.290
<i>Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu (i)</i>	8.992.821.910	-
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc</i>	4.262.081.688	-
<i>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	20.815.288.557
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</i>	530.000.000	18.128.403.068
<i>Công ty Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	3.730.866.028
<i>Khoản phải thu nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cơ khí điện Lữ Gia</i>	283.640.353	283.640.353
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	247.122.729	193.750.284
Cộng	15.751.523.928	52.526.765.826

b) Dài hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	315.118.434.707	-
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	112.410.273.881	-
Cộng	427.528.708.588	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Số dư dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

	30/06/2015		01/01/2015		Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Phải thu từ ứng trước tiền hàng	820.000.000	-	820.000.000	-	Công ty CP Kim Sơn - Hải
Phải thu thi công công trình	427.411.458	-	460.983.579	-	- Công ty CTGT 621
Phải thu thi công công trình	1.164.784.432	-	1.164.784.432	-	- Các khách hàng khác Công ty TNHH TK KT XD QLDA Sáng
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	528.185.000	-	528.185.000	528.185.000	Tạo Mới Công ty TNHH PT Công Nghệ Môi
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	352.270.000	105.681.000	352.270.000	352.270.000	Trường Phan Việt
Phải thu từ bán hàng hóa	987.668.397	-	887.668.397	-	- Các khách hàng khác
Phải thu khác	561.175.367	-	561.175.367	-	- Các đối tượng khác
Cộng	4.841.494.654	105.681.000	4.775.066.775	880.455.000	
Giá trị đã lập dự phòng		4.735.813.654		3.894.611.775	

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	6.856.667.072	(32.650.364)	6.279.726.218	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	59.942.134	(1.456.000)	89.662.327	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.056.475.402	-	49.120.638.481	-
Chi phí thi công, lắp đặt dở dang	31.260.127.424	-	47.120.837.802	-
Chi phí sản xuất dở dang	1.372.883.370	-	666.663.176	-
Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang	987.771.300	-	1.333.137.503	-
Chi phí đầu tư dự án B.O.T	-	-	-	-
Trung Lương - Mỹ Thuận	1.435.693.308	-	-	-
Thành phẩm	5.640.064.844	(528.730.757)	6.982.122.074	(528.730.757)
Hàng hóa	294.766.375	(64.770.451)	169.174.951	(64.770.451)
Cộng	47.907.915.827	(627.607.572)	62.641.324.051	(627.607.572)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thể hiện giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, lỗi thời. Công ty chưa có hướng xử lý đối với số lượng hàng tồn kho này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1.092.138.560	1.092.138.560
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.110.797.025	1.110.797.025
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	424.567	-
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	576.571.588
Cộng	2.779.931.740	2.779.507.173

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	308.567.000.000	-
Cộng	308.567.000.000	-

Công ty cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc vay dài hạn số tiền 308.567.000.000 VND để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2017 là 8,5%/năm. Kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 cho đến khi khoản nợ gốc được thanh toán hết, lãi suất cho vay áp dụng là 0%. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	34.113.689.478	44.785.463.254	2.784.940.616	129.507.000	81.813.600.348
Mua trong kỳ	-	-	962.354.545	-	962.354.545
Tăng do hợp nhất	-	3.466.753.583	1.795.768.097	-	5.262.521.680
Tại ngày 30/06/2015	34.113.689.478	48.252.216.837	5.543.063.258	129.507.000	88.038.476.573
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	4.340.745.841	21.662.525.667	2.014.089.409	76.116.410	28.093.477.327
Khấu hao trong kỳ	368.199.078	1.385.558.432	167.072.529	9.713.025	1.930.543.064
Tăng do hợp nhất	-	1.490.289.907	432.293.040	-	1.922.582.947
Tại ngày 30/06/2015	4.708.944.919	24.538.374.006	2.613.454.978	85.829.435	31.946.603.338
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	29.772.943.637	23.122.937.587	770.851.207	53.390.590	53.720.123.021
Tại ngày 30/06/2015	29.404.744.559	23.713.842.831	2.929.608.280	43.677.565	56.091.873.235

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 44.938.861 VND.

Nguyên giá và khấu hao lũy kế của tài sản tăng do hợp nhất thể hiện số dư tài sản tại ngày mua của các công ty con được hợp nhất kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	-	8.031.674.450	100.000.000	8.131.674.450
Tăng do hợp nhất	1.513.849.665.181	-	125.000.000	1.513.974.665.181
Tại ngày 30/06/2015	1.513.849.665.181	8.031.674.450	225.000.000	1.522.106.339.631
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	-	907.079.560	26.190.333	933.269.893
Khấu hao trong kỳ	30.033.582.862	85.327.756	8.321.432	30.127.232.050
Tăng do hợp nhất	170.506.352.559	-	82.250.000	170.588.602.559
Tại ngày 30/06/2015	200.539.935.421	992.407.316	116.761.765	201.649.104.502
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	-	7.124.594.890	73.809.667	7.198.404.557
Tại ngày 30/06/2015	1.313.309.729.760	7.039.267.134	108.238.235	1.320.457.235.129

Trong kỳ, Công ty nhận chuyển nhượng một số công ty con đầu tư và quản lý các dự án B.O.T, do đó Công ty kiểm soát các quyền thu phí giao thông từ các dự án này bắt đầu từ ngày nhận chuyển nhượng. Thông tin chi tiết về các quyền thu phí giao thông này như sau:

a) Quyền thu phí giao thông trạm Cam Thịnh

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 581.331.629.217 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Trạm thu phí Cam Thịnh đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 44,2%. Việc Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí giao thông theo tỷ lệ doanh thu đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

b) Quyền thu phí giao thông đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 656.087.282.984 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011. Từ năm 2014 quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 21,6 năm (trước đó khấu hao theo tỷ trọng doanh thu).

Tại ngày mua Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí hoàn vốn so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Công ty đã thế chấp các quyền thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được để đảm bảo cho các khoản vay và nợ. Giá trị còn lại của quyền thu phí giao thông dùng để thế chấp, cầm cố tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.040.291.702.125 VND.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 80.000.000 VND.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	1.010.625.845.848	-
Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2 (i)	259.862.500.199	-
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương - Hạng mục cơ sở hạ tầng tái định cư	20.960.914.152	-
Các dự án khác	2.733.421.083	129.021.273
Cộng	1.294.182.681.282	129.021.273

(i) Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ các dự án này trong tương lai đã được cầm cố thế chấp cho các khoản vay và nợ thuê tài chính như trình bày tại Thuyết minh số 22.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay (i)	64.468.928.307	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	218.104.876	143.478.569
Cộng	64.687.033.183	143.478.569

(i) Chi phí lãi vay trả trước là chi phí lãi vay tài trợ cho Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm phát sinh sau thời điểm dự án đi vào hoạt động và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu, tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay là 12,1%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tại ngày 1 tháng 1	163.013.799.804	-
Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con trong kỳ	4.163.621.765	-
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	(20.480.815.520)	-
Tại ngày 30 tháng 6	146.696.606.049	-

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH SX TM & XD Thiên Minh	8.141.615.140	5.173.587.320
Công ty TNHH Kiến trúc và Môi trường	2.580.195.998	2.580.195.998
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Vận Tải Vân Anh	1.321.914.000	2.361.480.000
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	1.930.548.729	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại Thuyết minh số 37)	30.506.452.215	115.500.000
<i>Công ty CP Xây Dựng Hạ tầng CII</i>	<i>29.652.449.798</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng</i>	<i>854.002.417</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</i>	<i>-</i>	<i>115.500.000</i>
Các nhà cung cấp khác	11.471.319.826	18.165.244.107
Cộng	55.952.045.908	28.396.007.425

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ (i) VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	9.268.947.822	8.051.847.078	1.217.100.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.885.382.592	48.029.561.910	44.385.720.419	5.529.224.083
Thuế thu nhập cá nhân	55.870.254	1.084.228.578	1.060.882.273	79.216.559
Các loại thuế khác	-	41.122.209	41.122.209	-
Cộng	1.941.252.846	58.423.860.519	53.539.571.979	6.825.541.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị trích trước	30.983.128.641	24.513.406.247
Chi phí lãi vay phải trả	11.304.154.232	4.631.206.125
Chi phí phải trả khác	22.299.989	258.411.143
Cộng	42.309.582.862	29.403.023.515

21. PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.352.124	-
Bảo hiểm xã hội	37.639.634	7.853.169
Bảo hiểm y tế	5.557.410	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	32.853.850.047	11.353.142.240
Các khoản phải trả, phải nộp khác	206.624.451.153	612.408.667
<i>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)</i>	<i>169.713.615.911</i>	-
<i>Công ty Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>22.184.200.000</i>	-
<i>Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (ii)</i>	<i>10.000.000.000</i>	-
<i>Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6</i>	<i>3.351.653.113</i>	-
<i>Đối tượng khác</i>	<i>1.374.982.129</i>	<i>612.408.667</i>
Cộng	239.569.850.368	11.973.404.076

b) Dài hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	78.252.220.500	78.252.220.500
<i>Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (iii)</i>	<i>78.000.000.000</i>	<i>78.000.000.000</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>252.220.500</i>	<i>252.220.500</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	970.434.008.504	701.279.248.049
<i>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)</i>	<i>957.448.638.146</i>	<i>701.279.248.049</i>
<i>Tiền thu trước của các hộ dân nhận đất khu tái định cư Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương</i>	<i>12.985.370.358</i>	-
Cộng	1.048.686.229.004	779.531.468.549

(i) Số dư khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn khác lần lượt thể hiện khoản phí nhận chuyển nhượng các công ty dự án cầu đường và tiền lãi phát sinh còn phải trả cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo các hợp đồng chuyển nhượng được ký kết giữa hai công ty (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 37). Công ty có nghĩa vụ thanh toán lãi chậm trả phí chuyển nhượng với lãi suất là 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(ii) Số dư phải trả cho Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu thể hiện khoản tiền nhận tạm ứng lợi nhuận từ công ty liên kết này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu chưa công bố chính thức việc chia lợi nhuận nên Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

(iii) Số dư tiền nhận ký quỹ, ký cược từ Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII để mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia mà Công ty đang nắm giữ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát đối với công ty Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia.

N:01
TRÁI
KIẾ
TỬ V
Q
TANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị có khả năng thanh toán		Giá trị có khả năng thanh toán	
	Nợ gốc VND	Tăng VND	Nợ gốc VND	Giảm VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	798.850.500.000	807.850.500.000	9.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (ii)	70.000.000.000	164.903.265.325	107.564.104.533	12.660.839.208
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (iii)	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	108.828.000.000	108.828.000.000	58.280.000.000	58.280.000.000
Cộng	996.678.500.000	1.100.581.765.325	174.844.104.533	70.940.839.208

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng hỗ trợ vốn tái cấu trúc số 68/2014/HD-CII ngày 22 tháng 9 năm 2014 và hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HD-CII ngày 13 tháng 4 năm 2015. Mục đích của khoản vay là để đầu tư góp vốn thành lập công ty con và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay bằng với lãi suất ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tại thời điểm nhận tiền vay, thời hạn vay được quy định trong từng công văn cụ thể cho từng lần giải ngân.

(ii) Số dư nợ vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn theo hợp đồng số 02/2015/5582302/HETD ký ngày 4 tháng 3 năm 2015. Hạn mức tín dụng của hai hợp đồng này là 200 tỷ VND, lãi suất vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể và theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 7%. Thời hạn vay là 4 tháng, khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 4 tháng 8 năm 2015. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 130000164299 ký ngày 10 tháng 7 năm 2013 và phụ kiện hợp đồng tín dụng số 13000064299/ANNEX01. Thời hạn của khoản vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 7 năm 2015. Tổng giá trị của khoản vay là 19.000.000.000 VND, lãi suất cho vay cố định trong suốt thời gian vay là 6,9%/năm. Mục đích của khoản vay là dùng để tái tài trợ và tài trợ cho Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Dài hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	297.999.888.519	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	19.500.000.000	19.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 (ii)	1.439.685.306.054	1.439.685.306.054	1.478.685.306.054	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (iii)	204.046.899.750	204.046.899.750	-	233.186.899.750
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (iv)	214.000.000.000	214.000.000.000	219.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (v)	157.346.121.841	157.346.121.841	162.346.121.841	-
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương (vi)	71.674.636.617	71.674.636.617	77.674.636.617	-
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(108.828.000.000)	(108.828.000.000)	(58.280.000.000)	(58.280.000.000)
Cộng	1.997.424.964.262	1.997.424.964.262	2.146.377.953.031	174.906.899.750
				Giá trị có khả năng thanh toán VND
				233.186.899.750
				174.906.899.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Dài hạn (tiếp theo)

(i) Khoản vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 36/2015/HĐ-CII ngày 21 tháng 4 năm 2015. Mục đích của khoản vay là để đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lãi suất vay bằng với lãi suất ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tại thời điểm nhận tiền vay, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân.

(ii) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thể hiện các khoản vay như sau:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 28 tháng 11 năm 2014 với hạn mức vay là 2.516.600.000.000 VND. Thời hạn giải ngân được tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Thời hạn cho vay đối với từng khoản nợ tối đa là 15 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2029. Lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi vay được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần. Mục đích sử dụng của khoản vay là để đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T. Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 704.285.482.782 VND.

- Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 54/2013-HĐTDDA/NHCT942-NINH THUẬN ký ngày 27 tháng 11 năm 2013 với hạn mức vay là 405,5 tỷ đồng. Lãi suất vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng công bố trong từng thời kỳ và được điều chỉnh ba (03) tháng một lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,2%/năm. Tất cả các khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 7 năm 2020. Mục đích sử dụng của khoản vay là để trả nợ cho các tổ chức tín dụng theo hợp đồng tín dụng Dự án Đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm số 0023/ĐTDA/09CD ngày 15 tháng 6 năm 2009. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền thu phí giao thông đường bộ, các quyền lợi phát sinh khác trong quá trình thu phí thuộc Dự án và quyền được nhận số tiền bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản thuộc Dự án. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 348.000.000.000 VND.

- Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTDDA/NHCT942-BOT NINH THUẬN ký ngày 26 tháng 8 năm 2014 với hạn mức vay là 1.688.640.000.000 VND. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,2%/năm. Thời hạn vay là 15 năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng của khoản vay là để đầu tư xây dựng Dự án công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Khoản vay được đảm bảo bằng các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong tương lai từ dự án. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 387.399.823.272 VND.

(iii) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn nhằm mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 275 tỷ đồng, thời hạn giải ngân đến hết ngày 21 tháng 10 năm 2016. Thời hạn vay được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 48 tháng. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 10%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Dài hạn (tiếp theo)

(iv) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 04/2015/5582302/HĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015 nhằm mục đích thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 219 tỷ đồng, thời hạn vay là 102 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh sáu tháng một lần vào các ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng ký ngày 9 tháng 12 năm 2009 với hạn mức vay là 180 tỷ đồng. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ vào ngày 15 của các tháng 2, 5, 8, 11 hàng năm. Thời hạn thanh toán nợ vay cuối cùng là ngày 23 tháng 12 năm 2019. Mục đích sử dụng của khoản vay là để đầu tư xây dựng Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 theo hình thức hợp đồng B.O.T.

(vi) Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển ký ngày 21 tháng 12 năm 2009 với hạn mức vay là 94 tỷ đồng. Lãi suất vay cố định trong suốt thời gian vay là 9%/năm. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mục đích sử dụng của khoản vay là để đầu tư xây dựng giai đoạn 2 của Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 theo hình thức hợp đồng B.O.T.

Công ty đã thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T và nguồn thu hợp pháp từ các dịch vụ khác trên tuyến đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 mang lại để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp tài sản ba bên số 03/385812/HĐTC ngày 21 tháng 12 năm 2009.

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	108.828.000.000	58.280.000.000
Trong năm thứ hai	116.052.461.000	58.280.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	266.412.197.208	116.626.899.750
Sau năm năm	1.614.960.306.054	-
Cộng	2.106.252.964.262	233.186.899.750
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(108.828.000.000)	(58.280.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	1.997.424.964.262	174.906.899.750

c) Thông tin thuyết minh bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

Toàn bộ tiền thu từ đi vay và trả nợ gốc vay phát sinh trong kỳ đều liên quan đến các hợp đồng vay theo khế ước thông thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Bảng cân đối kết toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày	Tại ngày	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	30/06/2015	01/01/2015	đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	70.610.038	(70.610.038)	-
Chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh (i)	55.286.150.596	-	-	-
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(70.610.038)	-

(i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG cao hơn so với giá trị ghi sổ như đã nêu tại Thuyết minh số 14. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20%. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ (Xem Thuyết minh số 32) mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	151.507.190.000	53.265.105.182	(5.362.083.904)	4.421.715.378	23.465.703.084	-	227.297.629.740
Tăng vốn trong năm	73.662.360.000	#####	-	-	(20.432.254.818)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	214.288.636.578	25.152.479.123	239.441.115.701
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(35.000.000)	-	-	(4.059.403.587)	-	(35.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.059.403.587	(8.118.807.175)	-	(8.119.962.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.154.825)	-	(1.154.825)
Mua công ty con	-	-	-	-	110.374.742.762	-	110.374.742.762
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	150.000.000	150.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.353.142.240)	-	(11.353.142.240)
Tại ngày 01/01/2015	225.169.550.000	-	(5.362.083.904)	8.481.118.965	205.143.874.082	124.322.924.820	557.755.383.963
Tăng vốn trong kỳ	503.378.100.000	-	-	-	-	-	503.378.100.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	264.745.416.928	23.034.439.931	287.779.856.859
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.807.748.096	5.362.083.904	-	-	-	9.169.832.000
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(150.000.000)	-	-	-	-	(150.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.518.494.000)	(23.973.551.810)	(50.492.045.810)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(375.914.932)	-	(375.914.932)
Mua công ty con	-	-	-	-	-	224.257.256.741	224.257.256.741
Cổ đông không kiểm soát bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(22.228.560.000)	(22.228.560.000)
Chuyển nhượng một phần vốn trong công ty con trong kỳ	-	-	-	-	(15.797.821)	35.797.821	20.000.000
Tại ngày 30/06/2015	728.547.650.000	3.657.748.096	-	8.481.118.965	442.979.084.257	325.448.307.503	1.509.113.908.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b) Cổ phần

	30/06/2015 Cổ phần	01/01/2015 Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	72.854.765	22.516.955
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	72.854.765	22.516.955
+ Cổ phần phổ thông	72.854.765	22.516.955
Số lượng cổ phần được mua lại	-	418.210
+ Cổ phần phổ thông	-	418.210
Số lượng cổ phần đang lưu hành	72.854.765	22.098.745
+ Cổ phần phổ thông	72.854.765	22.098.745
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.		

c) Cổ tức

Trong kỳ, Công ty thực hiện chia cổ tức với tỷ lệ 12% theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 02/NQ-DHĐCĐ/2015 ngày 23 tháng 4 năm 2015.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu bán hàng	26.600.619.980	20.418.775.045
Doanh thu cung cấp dịch vụ	912.192.079	12.233.569.308
Doanh thu thu phí giao thông	67.159.437.274	-
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	91.094.051.752	66.689.560.913
Doanh thu căn hộ Lữ Gia	804.188.377	6.399.639.058
Cộng	186.570.489.462	105.741.544.324

b) Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	295.446.000	57.409.274
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII	550.240.000	486.011.000
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Enviro	109.356.000	-
Cộng	955.042.000	543.420.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giảm giá hàng bán	77.253.499	255.188.734
Hàng bán bị trả lại	892.000	-
Hoàn nhập lãi vốn chủ sở hữu	4.496.410.956	-
Cộng	4.574.556.455	255.188.734

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	22.501.680.069	17.716.723.610
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	90.486.977	5.837.990.919
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	28.478.354.564	-
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	81.788.738.788	57.722.400.715
Giá vốn căn hộ Lữ Gia	463.026.203	5.387.396.814
Cộng	133.322.286.601	86.664.512.058

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư (i)	50.015.700.000	-
Lãi trả chậm (ii)	80.028.977.786	-
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	45.981.927.913	-
Lãi phát sinh từ dự án góp vốn đầu tư	15.099.261.574	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.968.793.608	943.478.032
Lãi chênh lệch tỷ giá	433.924	284.136
Cộng	196.095.094.805	943.762.168

(i) Khoản lãi phát sinh do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư ban đầu trước khi nắm quyền kiểm soát Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình. Giá trị này được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con và giá gốc của khoản đầu tư ban đầu. Khoản lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày mua không được dùng để chia cho các cổ đông.

(ii) Lãi trả chậm được quy định trong hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Cầu Sài Gòn: lãi trả chậm được tính theo chu kỳ 6 tháng, lãi suất trả chậm bằng 7,81%/6 tháng, được tính trên số dư nợ vốn đầu tư mà Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lãi vay	43.956.485.526	6.645.792.177
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng (i)	44.498.112.159	-
Chi phí tài chính khác	18.699.100	-
Cộng	88.473.296.785	6.645.792.177

(i) Chi phí lãi chậm thanh toán phí nhận chuyển nhượng các công ty dự án cầu đường cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

30. PHẦN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty liên kết	12.329.872.555	-
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	12.329.872.555	-
Cộng	12.329.872.555	-

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Các khoản chi bán hàng phát sinh trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lương nhân viên	479.903.420	453.270.991
Chi phí hoa hồng bán hàng	331.066.990	281.631.585
Chi phí vận chuyển hàng bán	1.965.789.828	962.323.818
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	3.604.179.996	-
Chi phí in vé thu phí giao thông	118.750.059	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	914.775.566	206.758.032
Cộng	7.414.465.859	1.903.984.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	20.480.815.520	-
Chi phí lương nhân viên	2.433.960.664	1.448.432.696
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	475.081.465	129.222.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.639.535.131	-
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	874.774.000	-
Chi phí thuê văn phòng	701.800.122	-
Chi phí tiếp khách	193.426.082	234.966.815
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.374.314.159	764.783.418
Cộng	31.173.707.143	2.577.405.192

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(33.572.121)	(162.830.000)
Các khoản ghi giảm khác	(34.900)	-
Cộng	(33.607.021)	(162.830.000)

32. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ (i)	168.985.813.124	-
Tiền phạt do chậm thanh toán thu được	27.625.420	-
Thu nhập từ tiền thuê đất nộp thừa được hoàn	-	576.571.588
Thu nhập khác	192.000.000	2.300.000
Cộng	169.205.438.544	578.871.588

(i) Đây là khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi Công ty xác định chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản thuần trong công ty con tại ngày nắm quyền kiểm soát và giá phí của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	11.278.323.447	698.363.536
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	-	-
Cộng	11.278.323.447	698.363.536

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường tỉnh ĐT 741 tỉnh Bình Dương và Dự án xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, thu nhập từ dự án đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	264.745.416.928	8.601.551.664
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	61.791.593	15.150.719
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.284	568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 5 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; hoạt động cho thuê mặt bằng và hoạt động kinh doanh mua bán căn hộ; hoạt động thu phí giao thông.

Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng: cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: kinh doanh bán căn hộ tại dự án 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

3-C
Y
TU H
V
HINH
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. BÁO CÁO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh từng bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh bán hàng		Thi công lắp đặt, duy tu công trình		Dịch vụ cho thuê mặt bằng		Kinh doanh bất động sản		Doanh thu thu phí giao thông		Loại trừ giao dịch nội bộ		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần													
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	26.599.727.980	91.094.051.752	912.192.079	726.934.878	62.663.026.318	-	181.995.933.007						
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	467.080.400	86.788.021.521	-	-	-	(87.255.101.921)	-						
Cộng	27.066.808.380	177.882.073.273	912.192.079	726.934.878	62.663.026.318	(87.255.101.921)	181.995.933.007						
Giá vốn													
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	22.501.680.069	81.788.738.788	90.486.977	463.026.203	28.478.354.564	-	133.322.286.601						
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	467.080.400	86.788.021.521	-	-	-	(87.255.101.921)	-						
Cộng	22.968.760.469	168.576.760.309	90.486.977	463.026.203	28.478.354.564	(87.255.101.921)	133.322.286.601						
Lợi nhuận gộp bộ phận	4.098.047.911	9.305.312.964	821.705.102	263.908.675	34.184.671.754	-	48.673.646.406						
Doanh thu hoạt động tài chính													196.095.094.805
Chi phí tài chính													88.473.296.785
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết													12.329.872.555
Chi phí bán hàng													7.414.465.859
Chi phí quản lý doanh nghiệp													31.140.100.122
Thu nhập khác													169.205.438.544
Chi phí khác													288.619.276
Chi phí thuế TNDN hiện hành													11.278.323.447
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại													(70.610.038)
Tổng lợi nhuận sau thuế													287.779.856.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh từng bộ phận cho cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh bán hàng	Thi công, duy tu công trình	Dịch vụ cho thuê mặt bằng	Bán căn hộ Lữ Gia	Doanh thu thu phí giao thông	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần							
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.418.775.045	66.689.560.913	12.233.569.308	6.144.450.324	-	-	105.486.355.590
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	20.418.775.045	66.689.560.913	12.233.569.308	6.144.450.324	-	-	105.486.355.590
Giá vốn							
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	17.716.723.610	57.722.400.715	5.837.990.919	5.387.396.814	-	-	86.664.512.058
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	17.716.723.610	57.722.400.715	5.837.990.919	5.387.396.814	-	-	86.664.512.058
Lợi nhuận gộp bộ phận	2.702.051.435	8.967.160.198	6.395.578.389	757.053.510	-	-	18.821.843.532

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Chi phí bán hàng

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tổng lợi nhuận sau thuế

943.762.168

6.645.792.177

1.903.984.426

2.414.575.192

578.871.588

80.210.293

698.363.536

8.601.551.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.994.103.464.262	245.847.738.958
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(66.656.327.910)	(44.211.919.920)
Nợ thuần	2.927.447.136.352	201.635.819.038
Vốn chủ sở hữu	1.509.113.908.821	557.755.383.963
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	194%	36%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	66.656.327.910	44.211.919.920
Đầu tư ngắn hạn	227.472.159.865	-
Phải thu khách hàng	1.155.168.367.385	1.065.754.696.511
Phải thu khác	313.053.397.149	52.118.384.459
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	445.906.527.867	211.546.226.410
Cộng	2.208.256.780.176	1.373.631.227.300
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.994.103.464.262	245.847.738.958
Phải trả người bán	55.952.045.908	28.396.007.425
Phải trả khác	1.242.370.309.799	713.497.019.456
Cộng	4.292.425.819.969	987.740.765.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	22.310.725	22.005.394

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2015			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.656.327.910	-	66.656.327.910
Đầu tư ngắn hạn khác	227.472.159.865	-	227.472.159.865
Phải thu khách hàng	515.204.468.263	639.963.899.122	1.155.168.367.385
Phải thu khác	4.486.397.149	308.567.000.000	313.053.397.149
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	445.906.527.867	445.906.527.867
Cộng	813.819.353.187	1.394.437.426.989	2.208.256.780.176
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	996.678.500.000	1.997.424.964.262	2.994.103.464.262
Phải trả người bán	55.952.045.908	-	55.952.045.908
Phải trả khác	206.669.451.153	1.035.700.858.646	1.242.370.309.799
Cộng	1.259.299.997.061	3.033.125.822.908	4.292.425.819.969
Chênh lệch thanh khoản thuần	(445.480.643.874)	(1.638.688.395.919)	(2.084.169.039.793)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.211.919.920	-	44.211.919.920
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-
Phải thu khách hàng	301.592.682.361	764.162.014.150	1.065.754.696.511
Phải thu khác	52.118.384.459	-	52.118.384.459
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	211.546.226.410	211.546.226.410
Cộng	397.922.986.740	975.708.240.560	1.373.631.227.300
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	70.940.839.208	174.906.899.750	245.847.738.958
Phải trả người bán	28.396.007.425	-	28.396.007.425
Phải trả khác	11.965.550.907	701.531.468.549	713.497.019.456
Cộng	111.302.397.540	876.438.368.299	987.740.765.839
Chênh lệch thanh khoản thuần	286.620.589.200	99.269.872.261	385.890.461.461

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Kỹ Thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận tiền vay	851.350.500.000	24.552.817.782
Thanh toán tiền vay	57.500.000.000	118.545.592.945
Nhận vốn góp	357.000.000.000	-
Nhận chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	1.049.920.010.784	-
Chi phí lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp các công ty cầu đường	56.625.446.939	-
Thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	775.293.155.214	-
Thanh toán lãi do chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	34.464.034.703	-
Lãi phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	15.099.261.574	-
Thu tiền lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	7.389.543.057	-
Thu tiền hoàn vốn góp đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư cầu Rạch Chiếc	21.640.673.340	-
Chi phí lãi vay	22.640.511.411	2.539.085.917
Thanh toán lãi vay	5.980.000.000	-
Thanh toán cổ tức	15.570.982.800	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	295.446.000	410.217.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	10.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII		
Chi phí thi công xây dựng công trình	126.498.310.257	-
Thanh toán giá trị thi công xây dựng công trình	112.286.679.552	-
Doanh thu bán hàng hóa	550.240.000	-
Thu tiền bán hàng hóa	605.264.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thu tiền thanh lý bất động sản đầu tư	18.123.403.068	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	680.000.000	-
Thu tiền hỗ trợ vốn	155.000.000	-
Chi phí thuê mặt bằng	536.511.159	-
Thanh toán tiền thuê mặt bằng	1.052.162.275	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng		
Chi phí dịch vụ thu hộ cước đường bộ	3.604.179.996	-
Thanh toán chi phí dịch vụ thu hộ cước đường bộ	3.812.331.665	-
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	192.000.000	-
Công Ty CP Kỹ Thuật Enviro		
Doanh thu bán hàng hóa	109.356.000	-
Thu tiền bán hàng hóa	84.204.120	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
PHẢI THU		
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Phải thu gốc và lãi hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	9.920.609.979	29.030.216.397
Phải thu tiền thuê mặt bằng	324.990.000	
Phải thu lãi phát sinh từ góp vốn hợp tác kinh doanh	-	9.238.174.206
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII		
Phải thu bán hàng và giá trị thi công công trình	850.996.290	850.996.290
Ứng trước giá trị thi công xây lắp công trình	11.880.874.537	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia		
Phải thu từ thanh lý TSCĐ và bất động sản đầu tư	-	18.123.403.068
Cho vay	530.000.000	5.000.000
Ứng trước tiền cho thuê mặt bằng	231.000.000	-
Phải thu tiền chi nộp hộ bảo hiểm xã hội	-	1.046.388
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng		
Ứng trước giá trị thi công xây lắp công trình	340.904.554	-
Phải thu tiền cho thuê xe hút bụi	211.200.000	-
PHẢI TRẢ		
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Phải trả phí nhận chuyển nhượng các công ty dự án cầu đường	957.448.638.146	701.279.248.049
Phải trả lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng các công ty dự án cầu đường	36.380.162.546	10.063.558.989
Phải trả nợ gốc vay	943.209.064.536	-
Phải trả lãi vay	18.056.813.208	-
Phải trả tiền thuê văn phòng	338.685.600	-
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII		
Phải trả giá trị thi công xây lắp công trình	29.652.449.798	-
Nhận ký quỹ tiền mua cổ phần	78.000.000.000	78.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia		
Phải trả tiền thuê văn phòng	-	115.500.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng		
Phải trả tiền dịch vụ thu phí giao thông và giá trị xây lắp	854.002.417	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lương và thưởng	<u>409.960.000</u>	<u>581.996.000</u>

38. SỰ KIỆP SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 23 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2015, ngày 21 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc chào bán riêng lẻ 1.200 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích phát hành trái phiếu chuyển đổi là để hoán đổi các khoản nợ gốc và lãi phát sinh từ các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường.

KINH DOANH

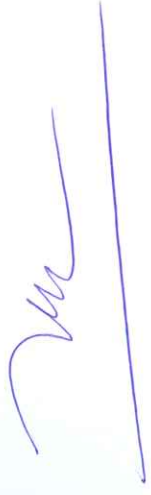
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

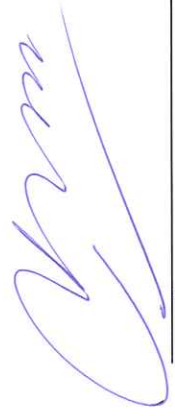
39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã nêu tại Thuyết minh số 3, Công ty áp dụng Thông tư số 200 và Thông tư số 202 vào việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Để thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Mã số	Trình bày lại theo Thông tư 200		Số đã kiểm toán (Trình bày theo Quyết định 15)	
	Chỉ tiêu	01/01/2015	Mã số	Chỉ tiêu
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	52.526.765.826	135	5. Các khoản phải thu khác
155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	158	4. Tài sản ngắn hạn khác
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.902.900.000	258	3. Đầu tư dài hạn khác
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.902.900.000)	259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	211.546.226.410	417	7. Quỹ đầu tư phát triển
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	8.481.118.965	418	8. Quỹ dự phòng tài chính



Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Chi nhánh tại Hải Phòng:

Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
ĐT: 031. 3 797 268 | Fax: 031. 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Lầu 5, toà nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 3 547 2323 | Fax: 08. 3 547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Văn phòng đại diện tại Hải Dương:

Số 95 Đỗ Ngọc Du, Phường Thanh Bình
TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320. 3 897 031 | Fax: 0320. 3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

No. 4, Nguyen Trai Street, May To Ward
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: (84) 31 3 797 268 | Fax: (84) 31 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son
4 Ward, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: (84) 8 3547 2323 | Fax: (84) 8 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Representative office in Hai Duong:

No. 95, Do Ngoc Du Street, Thanh Binh Ward
Hai Duong City, Hai Duong Province
Tel: (84) 320. 3 897 031 | Fax: (84) 320. 3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn